

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST

Ngày 20-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền và bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn D, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1982 tại tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Đ và bà Bùi Thị L; có vợ đã ly hôn là Đoàn Thị T; có hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 23/12/2023 đến ngày 28/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (trích xuất - có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn D: Ông Phạm Hữu G và ông Phạm Hữu L1 - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Hữu L1 và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- Bị hại (đã chết): Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn Đ1*: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1961 (bố mẹ đẻ bị hại); nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người làm chứng*:

- + Ông Lê Văn T1, sinh năm 1971 (có mặt);
- + Anh Lê Văn T2, sinh năm 1991 (vắng mặt);
- + Anh Lê Văn D1, sinh năm 2000 (vắng mặt);
- + Anh Đoàn Quốc D2, sinh năm 1993 (vắng mặt);
- + Anh Lê Văn H, sinh năm 1981 (có mặt);
- + Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Đều cư trú tại: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình;

+ Chị Bùi Thị P (tên khác là N1), sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22/12/2023, Lê Văn D đến nhà bà nội của D là cụ Ngô Thị P1 ở cùng thôn Đ, xã B, huyện K. Tại đây D gặp ông Lê Văn T1 (chú của D) và các anh Lê Văn Đ1 (em trai D); Lê Văn T2; Lê Văn D1, Đoàn Quốc D2 và chị Bùi Thị P (là em họ D). D vào ngồi nói chuyện với mọi người về việc sáng ngày 23/12/2023 đến hộ đám cưới con trai của cô ruột D. Anh Đ1 nói gia đình thuê thêm đàn đến đám cưới cho vui thì ông T1 và D không đồng ý nên anh Đ1 và D cãi nhau, ông T1 can ngăn nên anh Đ1 và D không cãi nhau nữa, sau đó mọi người đi về còn lại anh Đ1 và D. Anh Đ1 nói “đi về nhà anh hát Karaoke đi”, D nói “anh mệt mấy hôm nay rồi, anh về ngủ mai còn đi hộ đám cưới”, anh Đ1 nói “ông tuổi gì”. D nghĩ anh Đ1 coi thường mình nên bảo “không hát hò gì, ra bản nhà tao” rồi đi ra ngồi lên xe mô tô để về nhà. Anh Đ1 đi từ trong bếp ra đứng ở phía bên phải của D, dùng tay đâm vào mặt D, chị P chạy đến can ngăn và kéo anh Đ1 vào trong bếp, D điều khiển xe mô tô đi về nhà, nhà D cách nhà bà nội khoảng 200m. Do vẫn bức tức vì D không cho hát nên anh Đ1 đi ra phía sau bếp nhà cụ P1 lấy 01 con dao phay bằng kim loại dài 0,36m, lưỡi dao dài 0,24m, bản rộng 0,067m, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 0,12m, chạy về phía nhà D. Chị P chạy đuổi theo sau anh Đ1 để can ngăn. Lúc này D về đến nhà thì nghe thấy tiếng chị P hô ở phía ngoài đường “anh D ơi đóng cửa vào”. Duàn nhìn ra đường, thấy anh Đ1 tay cầm dao chạy về cửa xưởng cơ khí nhà mình, nghĩ anh Đ1 cầm dao đến đánh mình nên D mở tủ bát lấy 01 con dao nhọn bằng kim loại dài 0,413m, lưỡi dao dài 0,283m bản rộng 0,029m, cán dao bằng kim loại bọc gỗ màu nâu dài 0,13m, cầm dao đi ra cửa. Đột nhiên chạy đến cửa thì gặp D từ bên

trong đi ra, anh Đ1 vung dao lên chém, D lách người sang trái và giơ tay trái lên đỡ bị dao chém trúng ngón cái bàn tay trái. D đi ra ngoài cửa được khoảng 02 mét thì anh Đ1 tiếp tục đuổi theo, D cầm dao tay phải, quay người lại đứng đối diện với anh Đ1, dùng dao đâm một nhát theo hướng từ sau ra trước trúng vào ngực bên phải của anh Đ1 rồi rút dao ra vung lên cầm ở trên tay bỏ chạy ra đường đê xã B. Anh Đ1 đuổi theo D khoảng 05 mét, ném dao phay về phía D nhưng không trúng rồi gục xuống đường. Dẫn bỏ chạy được khoảng 30 mét thì gặp ông T1 chạy đến tước dao của D. Anh Đ1 được ông T1 cùng anh D1, anh D2 đưa đến Trạm y tế xã B cấp cứu và tử vong hồi 23 giờ 50 phút cùng ngày.

Tại Bản kết luận giám định số 9545/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của V Bộ C giám định máu trên 02 con dao, kết luận: Không phát hiện thấy máu bám dính trên con dao (dạng dao phay). Trên con dao nhọn bám dính máu người và là máu của Lê Văn Đ1. Chất màu nâu đỏ bám dính trên cổ khô thu tại vị trí số 03 trên sơ đồ hiện trường là máu người và là máu của Lê Văn Đ1.

Bản kết luận giám định số 9458A/KL-KTHS ngày 13/01/2024 của V Bộ C giám định mô bệnh học đối với nạn nhân Lê Văn Đ1 đã kết luận: Hình ảnh các tạng kém tưới máu; não phù; phổi xẹp, cơ tim thoái hoá thiếu dưỡng.

Bản kết luận giám định số 9458B/KL-KTHS ngày 13/01/2024 của V Bộ C giám định độc chất vi thể đối với nạn nhân Lê Văn Đ1, kết luận: Trong mẫu phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu của tử thi Lê Văn Đ1 gửi giám định đều không tìm thấy các chất độc thường gặp: cyanide (CN); thuốc diệt chuột (nhóm chống đông máu, các muối phốt phua, fluoroacetat, tetramine); hoá chất bảo vệ thực vật (phospho hữu cơ, clo hữu cơ, carbamat, pyrethroid, sulfonyl urea, acetamid, triazin, paraquat, diquat, glyphosate, glufosinate, nereistoxin); alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu - phụ tử, các chất an thần gây ngủ và kim loại nặng độc.

Bản kết luận giám định tử thi số 1870/KLGĐTT-KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T giám định tử thi Lê Văn Đ1, kết luận: - Khám ngoài: Trên tử thi có các vết rách thủng da bờ mép sắc gọn tại vùng ngực bên phải, cẳng tay phải và gan bàn tay trái.

- Khám trong: Đứt 03 sụn sườn bên phải và cơ thẳng bụng bên phải; đứt gãy xương sườn số 08 bên trái; khoang ngực trái có 80ml máu không đông; bên trong ổ bụng bên phải có 500ml máu không đông; bên trong ổ bụng bên trái có 400ml máu không đông; rách thùy gan phải và thùy gan trái; đứt rách túi mật; đứt rách tá tràng; đứt rách mạc treo ruột non; rách thủng dạ dày.

- Kết quả giám định mô bệnh học: Hình ảnh các tạng kém tưới máu; não phù; phổi xẹp, cơ tim thoái hoá thiếu dưỡng.

- Kết quả giám định độc chất: Trong mẫu phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu

của tử thi Lê Văn Đ1 gửi giám định đều không tìm thấy các chất độc thường gặp: cyanide (CN); thuốc diệt chuột (nhóm chống đông máu, các muối phot phua, fluoroacetat, tetramine); hoá chất bảo vệ thực vật (phospho hữu cơ, slo hữu cơ, carbamat, pyrethroid, sulfonyl urea, acetamid, triazin, paraquat, diquat, glyphosate, glufosinate, nereistoxin); alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu - phụ tử, các chất an thần gây ngủ và kim loại nặng độc.

Kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Lê Văn Đ1: Suy tuần hoàn do vết thương thấu bụng.

Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu do Bệnh viện đa khoa tỉnh T xét nghiệm mẫu bệnh phẩm của Lê Văn Đ1 kết quả 37.02mmol/L (trị số bình thường 0-2.17mmol/L).

Cáo trạng số: 28/CT-VKSTB, ngày 09/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Giết người*”. Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 09 năm tù đến 11 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn D. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 02 con dao và mẫu máu được niêm phong trong một bọc dán kín bằng giấy bì màu vàng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất vì bị hại là em ruột bị cáo cũng có một phần lỗi, nay bị hại đã chết, gia đình chỉ còn có bị cáo là con trai nên mong muốn bị cáo được hưởng lương khoan hồng của Nhà nước để sớm trở về làm nơi nương tựa cho bố mẹ khi tuổi già, nuôi dạy con nhỏ.

Bị cáo không có tranh luận, người bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên đề xuất đối với bị cáo, không đồng ý với mức hình phạt Viện kiểm sát đề xuất vì cho rằng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao so với tính chất hành vi mà bị cáo thực hiện. Bị hại là em ruột bị cáo, trước đó bị cáo đã bị bị hại đâm nhiều cái vào mặt nhưng bị cáo không chống trả, không chửi mắng mà đi về nhà nhưng ngay sau đó bị hại lại mang dao đến tận nhà bị cáo chém bị cáo, thể hiện sự hung hăng, côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, hành vi của bị hại là hành vi vi phạm pháp luật nên đã làm cho bị cáo bị kích động tinh thần dẫn tới không kiềm chế được bản thân đã dùng dao đâm vào bị hại, dẫn đến bị hại

chết. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin miễn giảm trách nhiệm cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết quy định tại điểm s, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự từ đó áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình, chăm lo cho bố mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa 04 người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và còn được chứng minh bằng Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an xã B, huyện K lập hồi 00 giờ 20 phút ngày 23/12/2023; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi anh Lê Văn Đ1; Biên bản giao nhận quản lý đồ vật; Biên bản xem xét dấu vết trên quần áo của nạn nhân Lê Văn Đ1; Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 7 giờ 35 phút ngày 23/12/2023; Bản kết luận giám định số 9545/KL-KTHS ngày 29/01/2024, Bản kết luận giám định số 9458A/KL-KTHS ngày 13/01/2024 và Bản kết luận giám định số 9458B/KL-KTHS ngày 13/01/2024 đều của V Bộ C; Bản kết luận giám định tử thi số 1870/KLGĐTT-KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T giám định tử thi Lê Văn Đ1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định: Do có mâu thuẫn từ trước nên vào khoảng 21 giờ 30 tại nhà Lê Văn D ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, khi thấy Lê Văn Đ1 tay cầm dao chạy về phía nhà mình, nghĩ anh Đ1 cầm dao đến đánh mình nên D đã lấy 01 con dao nhọn cầm theo đi ra cửa. Khi anh Đ1 vung dao lên chém, D giơ tay trái lên đỡ bị dao chém trúng ngón cái bàn tay trái. D đi ra ngoài cửa được khoảng 02 mét thì anh Đ1 tiếp tục đuổi theo, D đã dùng dao đâm một nhát theo hướng từ sau ra trước trúng vào ngực bên phải của anh Đ1 rồi rút dao ra vung lên cầm ở trên tay bỏ chạy ra đường

đê xã B. Hậu quả làm anh Lê Văn Đ1 bị vết thương thấu bụng, chết hồi 23 giờ 50 phút cùng ngày do suy tuần hoàn.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tính mạng, quyền được sống của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức về hành vi và hậu quả của hành vi do mình thực hiện. Mặc dù biết được hậu quả do hành vi của mình gây nên nhưng trong lúc nóng giận, không làm chủ được hành vi bị cáo đã dùng dao đâm bị hại dẫn đến bị hại chết. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;*
- b) Giết người dưới 16 tuổi;*
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*
- e) Giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;*
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;*
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;*
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;*
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;*
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;*
- n) Có tính chất côn đồ;*
- o) Có tổ chức;*
- p) Tái phạm nguy hiểm;*
- q) Vì động cơ đê hèn.*

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[3] Trong vụ án này bị cáo bị kích động tinh thần do bị hại có hành vi trái pháp luật với bị cáo nhưng chưa đến mức tinh thần bị kích động mạnh nên Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xét bị cáo phạm tội do bị hại có một phần lỗi khi trước đó đã đánh bị cáo sau đó cầm dao chém bị cáo tại nhà bị cáo làm bị cáo bị kích động về tinh thần dẫn đến đã dùng dao chuẩn bị trước đâm lại bị hại. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết quy định tại điểm e, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt đáng kể.

[5] Về trách nhiệm dân sự: đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, việc không yêu cầu bị cáo bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay đe dọa, nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao phay bằng kim loại dài 0,36m, lưỡi dao 0,24m, bản rộng 0,067m, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 0,12m; 01 con dao nhọn bằng kim loại dài 0,413m, lưỡi dao dài 0,283m bản rộng 0,029m, cán dao bằng kim loại bọc gỗ màu nâu dài 0,13m và các mẫu máu hoàn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội “Giết người”.
2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm e, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.
Xử phạt bị cáo Lê Văn D 08 (T3) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.
4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 con dao và mẫu máu được niêm phong trong một bọc dán kín bằng giấy bìa màu vàng.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành dân sự tỉnh T ngày 09/5/2024).

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Văn D, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ CATP Thái Bình/Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hiền